

Bản án số: 23/2024/HSST

Ngày: 29/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hải

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hạng Minh Thu
2. Bà Trần Thanh Vân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Chi, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 402/HSST ngày 29/12/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HS ngày 04/01/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Mạnh D**; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày 11/8/1999; ĐKKHKT và chỗ ở: **Xóm T, xã C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên**; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; **Trình độ học vấn: 12/12**; nghề nghiệp: Lao động tự do; **con ông Phạm Văn M và con bà Nguyễn Thị N**; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2023 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam **Công an tỉnh T**; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh **Phó Văn N1**, sinh năm 1997, nơi thường trú: **Xóm C, xã C, TP ., tỉnh Thái Nguyên.** (**Có mặt**)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Nguyễn Tiến Đ**, sinh năm 1996 (**Có đơn xin xét xử vắng mặt**)

Nơi thường trú: Tổ 04, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

2. Anh **Hoàng Phi H**, sinh năm 2005 (**Có mặt**)

Nơi thường trú: **Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**

3. Ông **Phạm Văn M**, sinh năm 1978 (**Có đơn xin xét xử vắng mặt**)

Nơi thường trú: **Xóm L, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**

Người làm chứng: Anh **Lưu Văn K**, sinh năm 1999 (**Vắng mặt**)

Nơi thường trú: **Xóm T, xã C, TP ., tỉnh Thái Nguyên**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: **Phạm Mạnh D** có quan hệ bạn bè và thường xuyên nói chuyện với anh **Phó Văn N1** (sinh năm 1997, HKTT: **xóm C, xã C, thành phố T**), biết anh **N1** sở hữu 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X, màu đen cam, BKS: 20B2 - 267.69. Do **D** mới đi xuất khẩu lao động từ nước ngoài về địa phương khoảng tháng 8/2023, không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, bản thân **D** trước khi đi xuất khẩu lao động, **D** nợ nần nhiều không có tiền trả nợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh **N1** để bán lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Khoảng 15 giờ ngày 01/10/2023, **D** sử dụng tài khoản Facebook mang tên "**Phạm Mạnh D1**" nhắn tin cho anh **N1** có tài khoản Facebook "**N**" để hỏi mượn xe mô tô BKS: 20B2 - 267.69 của anh **N1**, nói để đi lấy bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông để nộp học tiếng. Do quen biết và biết rõ lai lịch của **D** nên anh **N1** tin tưởng và đồng ý cho **D** mượn xe. Khoảng 17 giờ cùng ngày, **D** nhờ người chở đến nơi anh **N1** đang làm việc tại cửa hàng tóc "**T**" thuộc tổ **D**, phường **T**, thành phố **T** để mượn xe. Tại đây, **D** hẹn trả lại xe vào 18 giờ cùng ngày, anh **N1** giao chìa khóa và xe mô tô BKS: 20B2 - 267.69 cho **D**. Sau khi nhận được xe mô tô trên, **D** điều khiển xe đến cửa hàng điện thoại "**Xin S**" thuộc tổ **G**, phường **C**, thành phố **T** của anh **Nguyễn Tiến Đ** (sinh năm 1996, HKTT: **Làng L, M, huyện S, tỉnh Kon Tum**) làm chủ để bán nhưng anh **Đ** không mua xe của người lạ. Sau đó, **D** đã tìm gặp anh **Lưu Văn K** (sinh năm 1999, HKTT: **xóm T, xã C, thành phố T**), nói: "*Bạn đi với tôi một lát*" thì anh **K** đồng ý, **D** chở anh **K** đến cửa hàng của anh **Đ** thì anh **K** mới biết là **D** nhờ anh **K** dẫn đi bán xe vì anh **K** có quen biết với anh **Đ**. Khi đến cửa hàng **X**, anh **Đ** hỏi anh **K**: "*Đây là bạn em à*" thì anh **K** nói: "*Vâng, bạn em, nó gần nhà em, nó muốn bán xe thì anh xem xe cho nó*". Sau khi xem xe, anh **Đ** đồng ý mua xe với giá 15.000.000 đồng, **D** nói dối là xe của **D**, không mang theo đăng ký xe nên anh **Đ** chỉ đồng ý giao trước số tiền 11.000.000 đồng, khi **D** đưa được giấy tờ xe thì sẽ trả nốt số tiền còn lại thì **D** đồng ý. Sau đó, anh **Đ** chuyển cho **D** 10.000.000 đồng vào số tài khoản 8618012056688 tại **Ngân hàng Q (M1)** mang tên **Hoàng Phi H** và đưa cho **D** 1.000.000 đồng tiền mặt. Sau khi nhận được tiền bán xe, **D** và anh **K** đi bộ về quán **C** thuộc phường **C**, thành phố **T** để chơi game.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi không liên lạc được với **D** để lấy xe, anh **N1** đi về đến quán **C** thì gặp **D**. Biết **D** đã bán xe mô tô BKS 20B2-267.69 nên anh **N1** đã trình báo sự việc với **Công an phường T**, thành phố **T** để giải quyết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 257/KL-HĐĐGTS ngày 19/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố **T**, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X, màu đen cam, BKS: 20B2 -267.69, đã qua sử dụng có giá trị 26.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, **Phạm Mạnh D** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với đơn trình báo, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, lời khai của

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X, màu đen cam, BKS 20B2-267.69, đã qua sử dụng. Hiện đã được trả lại cho chủ sở hữu là anh **Phó Văn N1** tiếp tục quản lý và sử dụng.

Phần dân sự: Anh **Phó Văn N1** đã nhận lại xe mô tô và anh **Nguyễn Tiến Đ** đã nhận được 11.000.000 đồng do anh **Phạm Văn M** (là bố đẻ của **D**) bồi thường nên không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSTPTN ngày 28/12/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã quyết định truy tố **Phạm Mạnh D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.**

Tại phiên tòa bị cáo **Phạm Mạnh D** khai nhận toàn bộ hành vi đúng như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên giữ nguyên bản cáo trạng số **09/CT-VKSTPTN ngày 28/12/2023**, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Phạm Mạnh D** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt **Phạm Mạnh D** từ 09 đến 12 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: không xem xét; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Trong phần tranh luận: Bị cáo, **bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan** không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Nguyễn Tiến Đ, ông **Phạm Văn M**, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa đối với anh **Đ**, ông **M**, tuy nhiên anh **Đ**, ông **M** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa và không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.**

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu được và các chứng cứ, tài

liệu khác được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án. **Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:** Khoảng 15 giờ ngày 01/10/2023, tại **tổ D, phường T, thành phố T, Phạm Mạnh D** do cần tiền để trả nợ và chi tiêu cá nhân nên đã nói dối anh **Phó Văn N1** để mượn 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner X, màu đen cam, BKS: 20B2 - 267.69, đã qua sử dụng, trị giá 26.500.000 đồng để đi có việc, do tin tưởng **D** nên anh **N1** đã đồng ý cho **D** mượn xe. Tuy nhiên, **D** đã mang xe mô tô trên đến bán cho anh **Nguyễn Tiến Đ** lấy số tiền 11.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng số 09/CT-VKSTPTN ngày 28/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố **Phạm Mạnh D** theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng năm đến 03 năm.”

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo thấy: Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy, bị cáo không có tiền án, tiền sự, **trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo đã khai báo thành khẩn hành vi phạm tội của mình, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng**, tại phiên tòa bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, ngoài ra bị cáo còn có ông nội là **Phạm Ngọc Đ1** được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử thấy, cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung. Mức án mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tại phiên tòa xét thấy là phù hợp, được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng....hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản” do đó bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa xác định bị cáo không có tài sản, thu nhập, không có nghề nghiệp, do đó hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có ý kiến đề nghị gì, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác: Đối với anh Lưu Văn K là người đưa Phạm Mạnh D đi bán xe mô tô BKS 20B2-267.69, anh Nguyễn Tiến Đ là người mua xe mô tô trên của D và anh Hoàng Phi H là người cho D mượn tài khoản ngân hàng để nhận tiền chuyển khoản từ anh Đ. Quá trình điều tra, xác định những người này đều không biết nguồn gốc chiếc xe mô tô trên là do D phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt Phạm Mạnh D 12 (Mười hai) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 03/10/2023. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo Phạm Mạnh D 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3.Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra vấn đề giải quyết.

4.Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Phi H báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiến Đ, ông Phạm Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Minh Hải

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Nguyên;
- Công an TP.Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- THA hình sự;
- Bị cáo; Người TGT;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Hải